

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/HS-ST

Ngày 23-8-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Anh Tuấn

*Thẩm phán*

Ông Nguyễn Đức Cảnh

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Mạnh Tuấn

2. Bà Bùi Thị Thu

3. Ông Trần Văn Khiêm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối bị cáo:

Họ và tên: Phùng Thị Th, sinh năm: 1993; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; nguyên quán: Xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; ĐKTT: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; con ông: Phùng Vũ Q, sinh năm: 1961; con bà: Phạm Thị Th1, sinh năm: 1964; chồng: Phùng Huy D, sinh năm: 1990; con: Phùng Minh A, sinh năm 2014 và Phùng Huy Th1, sinh năm 2018; gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ 2; bị cáo Phùng Thị Th bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

Người bào chữa: Luật sư Ngô Duy Đ - Văn phòng luật sư Đ, Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

\* Bị hại:

1. Chị Nguyễn Lan H, sinh năm 1990  
Trú tại: Số nhà 1414 đường T, TDP Đ, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định.
2. Chị Phùng Thị L1, sinh năm 1993  
Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.
3. Bà Phùng Thị L, sinh năm 1972  
Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định
4. Anh Nguyễn Thành K, sinh năm 1996  
Trú tại: 6/43 N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.
5. Chị Phùng Thị Ng, sinh năm 1990  
Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện V tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bị cáo, người bào chữa, chị L1, chị Ng có mặt; chị H, anh K có đơn xin vắng mặt; Bà L vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Từ tháng 01/2020, Phùng Thị Th (sinh năm: 1993, HKTT: thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định, CCCD: 036193000673) thuộc diện nợ xấu của nhiều công ty tài chính, do Th không có công ăn việc làm ổn định, không có khả năng thanh toán nợ cho các công ty này và không thể tiếp tục vay các công ty tài chính khác. Bản thân Th cần tiền để tiêu xài cá nhân và sử dụng tiền đánh bạc qua mạng internet nên đã nảy sinh ý định vay tiền của những người thân quen rồi chiếm đoạt số tiền đã vay. Th che giấu việc bản thân không có khả năng tài chính và dùng thủ đoạn gian dối thể hiện qua việc đưa ra các lý do không có thật để vay tiền của nhiều người như vay hộ tiền cho người khác để hưởng tiền chênh lệch, vay tiền để thanh toán tiền viện phí cho người thân, vay tiền để làm thủ tục vay vốn ngân hàng,... Phùng Thị Th đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 05 người. Cụ thể:

1. Chị Nguyễn Lan H, sinh năm: 1990, trú tại: số nhà 1414 đường T, TDP Đ, P. N, TP. N.

Chị H kinh doanh sim thẻ, điện thoại và mở dịch vụ chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Th thường mang tiền mặt đến cửa hàng của chị H để nhờ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Th. Từ khoảng tháng 5/2021, Th nói dối chị H là giúp chị H tìm kiếm khách vay tiền lấy lãi và khách vay là những người thân quen của Th hoặc là người trong ngành công an. Chị H đồng ý và thỏa thuận chị H sẽ nhận tiền lãi tương đương với lãi suất 1.500.000đ đồng/1 triệu/1 ngày, còn Th cho khách vay tiền với lãi suất bao nhiêu thì do Th thỏa thuận riêng với khách.

Để tạo niềm tin đối với chị H, sau khi nhận tiền cho vay của chị H, Th trả tiền lãi cho chị H từ một đến hai tháng, sau đó tiếp tục giả danh người khác vay tiền, dùng một phần tiền vay để trả tiền gốc và lãi cho khoản vay mà Th đã giả danh từ trước. Khi chị H yêu cầu Th trả nợ thì Th lấy các lý do gian dối như: chưa gặp được khách vay để đòi tiền, khách vay chưa có tiền để trả, đồng thời Th sử dụng các sim điện thoại khác nhau tự nhắn tin qua lại để tạo ra các đoạn tin nhắn giả có nội dung khách vay khát nợ, sau đó chụp ảnh màn hình và gửi qua Zalo cho chị H để trì hoãn việc trả tiền cho chị H.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2021, Th đã giả danh những người sau để vay tiền của chị H, gồm:

- Chị Trần Thị Ánh M, sinh năm: 1992, trú tại: xóm T, xã Đ, huyện V, Nam Định để vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Th nói chị M là bạn của Th, đang là giáo viên Tiểu học. Khi cho vay, chị H yêu cầu phải có giấy vay tiền đứng tên khách vay để làm tin. Tuy nhiên, Th không đưa ra được nên chị H yêu cầu Th viết 02 Giấy mua chịu điện thoại mỗi giấy ứng với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Chị Phùng Thị Ng, sinh năm: 1990, trú tại: thôn A, xã Đ, huyện V, Nam Định để vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Th nói chị Ng là bạn thân của Th, Th nhờ một người đi đường viết 01 Giấy nhờ chuyển tiền hộ ghi tên là Phùng Thị Ng đề ngày 20/5/2021 rồi đưa cho chị H để làm tin.

- Chị Nguyễn Hồng H1, sinh năm: 1993, trú tại: A, xã Đ, huyện V, Nam Định để vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Th nói chị H1 là người cùng xóm, Th tự viết 01 Giấy mượn tiền đứng tên Nguyễn Thị H1 đề ngày 26/5/2021 hẹn sau 01 tháng sẽ hoàn trả rồi đưa cho chị H để làm tin. Sau 01 tháng, Th nói với chị H1 là vợ chồng chị H1 đã cho người tên L vay nên chưa trả được. Khi chị H1 yêu cầu Th thu hồi nợ của L, Th đã tạo ra đoạn tin nhắn với số điện thoại được lưu trong danh bạ điện thoại của Th là “L Bé” với nội dung L xin khát nợ, sau đó chụp ảnh màn hình và gửi cho chị H.

- Chị Phùng Thị L1, sinh năm: 1993, trú tại: xóm T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Th tạo ra đoạn tin nhắn giữa Th và tài khoản Zalo tên “L1 Phùng” rồi gửi cho chị H để khát nợ.

- Anh Đỗ Tiến M, sinh năm: 1988, trú tại: 9/1/105 L, TP. N, Nam Định để vay số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Tháng 5/2021, từ việc anh M nhờ Th vay hộ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Qua đó, Th đã nảy sinh ý định giả danh anh M để vay tiền chị H. Từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, Th nhiều lần đề nghị chị H đưa tiền cho mình để cho anh M vay tổng số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), các khoản vay có thời hạn 03 tháng. Tuy nhiên, Th chỉ đưa cho anh Tiến M vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu

đồng), còn lại chiếm đoạt 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Đến tháng 8/2021, chị H yêu cầu Th thu hồi nợ của anh M thì Th tự tạo ra các đoạn tin nhắn giữa Th và tài khoản Zalo tên “Tiến M” rồi gửi cho chị H để khát nợ.

- Chị Phạm Thị H2, sinh năm: 1992, trú tại: thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định để vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Th nói đây là bạn làm cùng công ty Thúy Đạt với Th. Th cho chị H2 biết người này sử dụng tài khoản Zalo tên “Bảo Bảo” và tự tạo ra các đoạn tin nhắn giữa tài khoản Zalo của Th và tài khoản Zalo tên “Bảo Bảo” (tài khoản Zalo giả) để xin khát nợ chị H2.

- Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1988, trú tại: xóm Đ, A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Th nói chị L1 là hàng xóm nhà mẹ đẻ Th, chị L1 cần tiền để chữa bệnh cho bố chồng. Th nhờ bà Th1 (mẹ đẻ Th) đến nhà chị H để lấy số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền mặt rồi đưa cho Th.

- Chị Phùng Ngọc A1, sinh năm: 1994, trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định, Th nói là người cùng quê với Th để vay số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

- Anh Nguyễn Gia H3, sinh năm: 1990, trú tại: thôn A, xã Đ, huyện V, Nam Định, Th nói là người cùng quê với Th để vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

- Anh Dương Xuân Kh, sinh năm: 1991, trú tại: tổ 1, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định và anh Phạm Ngọc Ch, sinh năm: 1995, trú tại: phố Tr, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Th nói 02 người này là công an ở Ý Yên.

- Anh Phùng Thế T1, sinh năm: 1980, trú tại: 99/703 đường Tr, TP. N, Nam Định để vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Th nói anh T1 là cán bộ công an tỉnh Nam Định, em họ của Th, có 01 công ty tài chính Ngọc Quý.

- Chị Trần Thị Ph, sinh năm: 1992, trú tại: xóm T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để vay số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Th nói chị Ph nhà ở thôn Đ, xã Đ, huyện V cần tiền để đưa bố đi chữa bệnh trị xạ ung thư. Th đưa cho chị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Ph để làm tin. Giấy chứng nhận này Th có được là do chị Ph có nhờ Th lấy hộ tại nhà bác của chị Ph (D) tại thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên sau khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Th đã mang đến đưa cho chị H để giả danh chị Ph vay tiền. Chị Ph yêu cầu Th trả lại Giấy chứng nhận nêu trên nhiều lần thì Th đưa ra các lý do khác nhau để trì hoãn. Sau khoảng 01 tháng, Th nói với chị H là bố chị Ph đã đi chữa bệnh về, cần lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất để làm thủ tục vay tín dụng trả nợ cho chị H, do đó chị H đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Th sau đó đã mang trả cho cho chị Ph.

Ngoài ra việc giả danh người khác để vay tiền, Th còn nói dối để vay tiền chị H: vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho con anh trai mồ tìm, vay 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) để đưa con đi cấp cứu ở Hà Nội, vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho lãnh đạo cơ quan chồng . Th nói dối chị H cho 01 người có tên là N vay 40 triệu, chị H đã đưa cho Th số tiền 40 triệu để cho N vay, sau 1 tuần Th nói dối với chị H là N đã trả tiền vào tài khoản VIBank của Th tuy nhiên ngân hàng bị lỗi, không rút tiền ra trả cho chị H được; vay của chị H các khoản nhỏ lẻ khác 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Khoảng cuối tháng 7/2021, do Th thường khát chậm rãi của khách vay nên chị H đã nghi ngờ, tìm hiểu biết được Th không vay tiền cho khách mà chính Th sử dụng cá nhân nên không cho Th vay tiếp. Ngày 25/10/2021, chị H cùng Th thống kê các khoản vay và số tiền Th còn nợ trước sự chứng kiến của bố mẹ đẻ Th, đồng thời yêu cầu Th viết 01 Giấy mượn tiền số tiền 1.270.000.000đ. Hiện Th còn nợ chị H số tiền 1.260.000.000đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Chị Phùng Thị L1, sinh năm: 1993, trú tại: xóm T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; bà Phùng Thị L, sinh năm: 1972, trú tại: thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định ( là mẹ đẻ chị Phùng Thị L1).

Khoảng tháng 7/2021, Th cần tiền để tiêu xài cá nhân, cần tiền để đánh bạc qua mạng internet và để tránh bị chị H nghi ngờ do khát nợ nhiều lần nên Th đã vay tiền chị L1 và bà L. Th đưa ra các lý do gian dối: cần tiền để chữa trị cho con bị ốm phải cấp cứu ở Hà Nội, mẹ chồng bị ngã gãy chân, chấn tH sọ não,... để vay tiền chị L1 và bà L nhiều lần.

Ngày 03/8/2021, chị L1 yêu cầu và Th đã viết 01 Giấy vay tiền để nhận nợ với bà L số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) mà Th đã vay. Ngoài ra, Th còn đề nghị với chị L1 là Th viết thêm 01 Giấy vay tiền khác đề ngày 3/8/2021 với số tiền vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để chị L1 đưa cho gia đình Th thông báo khoản nợ mà Th vay, nếu gia đình trả thay cho Th thì Th sẽ có tiền để sử dụng. Khoảng đầu tháng 9/2021, Th nói dối chị L1 và bà L là vợ chồng Th được bố chồng cho 01 mảnh đất, Th cần tiền làm thủ tục vay vốn ngân hàng Agribank số tiền 300.000.000đ để trả nợ cho chị L1 và bà L. Do đó, bà L đã cho Th vay thêm số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), số tiền 30.000.000đ này Th không phải viết giấy vay tiền nữa mà sử dụng giấy vay số tiền 30.000.000đ đề ngày 03/8/2021 để chứng minh việc Th vay 30.000.000đ như nêu trên. Tổng số tiền Th đã gian dối chiếm đoạt của chị L1 là 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng) và của bà L là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Đến nay, Th chưa trả cho chị L1 và bà L số tiền trên.

3. Anh Nguyễn Thành K, sinh năm: 1996, HKTT: 6/43 N, P. T, TP. N, tỉnh Nam Định.

Trong thời gian Th vay tiền của chị Phùng Thị L1, chị L1 có bảo lãnh cho Th vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) của anh Nguyễn Thành K. Sau đó, Th lấy lý do con bị ốm để tiếp tục vay anh K số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Tổng số tiền Th đã gian dối chiếm đoạt của anh K là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Th và gia đình đã trả cho anh K số tiền 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện Th còn nợ anh K số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Chị Phùng Thị Ng, sinh năm: 1990, trú tại: thôn An Duyên, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Từ đầu năm 2020, Th thuộc diện nợ xấu nên không thể đứng tên vay tiền các công ty tài chính và không thể mua hàng trả góp. Tuy nhiên, lợi dụng sự tin tưởng của chị Ng, Th đã nhiều lần đề nghị chị Ng đứng tên mua trả góp điện thoại và vay tiền hộ. Cụ thể như sau:

*Lần thứ nhất:* Ngày 29/02/2020, chị Ng đứng tên mua trả góp cho Th 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max tại cửa hàng điện thoại di động V địa chỉ 148 đường Đ, Tổ 18, Phường C, TP. N, tỉnh Nam Định với giá 16.700.000đ (mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng). Khi mua Th đã thanh toán trước cho cửa hàng số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Để trả góp số tiền còn lại cho cửa hàng, chị Ng đã ký hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng với công ty tài chính TNHH Mirae Asset số tiền 13.398.500đ (Mười ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng). Hàng tháng chị Ng phải thanh toán cho công ty Mirae Asset số tiền khoảng 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Th hứa với chị Ng hàng tháng sẽ chuyển tiền cho chị Ng để trả góp tiền mua điện thoại nhưng sau đó Th không chuyển tiền cho chị Ng nữa, để mặc chị Ng có trách nhiệm trả số tiền còn lại. Bản thân Th sau khoảng 03 tháng sử dụng chiếc điện thoại nêu trên, Th đã bán cho cửa hàng điện thoại khác lấy tiền tiêu xài. Tháng 09/2020, số tiền chị Ng còn nợ phía công ty là 9.340.292đ. Ngày 28/6/2022, qua dịch vụ chuyển tiền của chị Nguyễn Lan H, chị Ng đã thanh toán hết số nợ cho công ty số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) và kết thúc hợp đồng tín dụng.

*Lần thứ 2:* Tháng 01/2020, Th nhờ chị Ng đứng tên vay tiền công ty tài chính FE Credit số tiền 21.100.000đ (hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng) hợp đồng vay trong thời gian 03 năm. Ngày 07/01/2020, Công ty tài chính FE Credit đã chuyển cho chị Ng số tiền 20.000.000đ (trừ 1.100.000đ tiền phí bảo hiểm khoản vay) vào tài khoản ngân hàng MSB số 13001015752403 của chị Ng. Hàng tháng chị Ng có trách nhiệm trả cho công ty FE Credit số tiền 1.016.000đ (Một triệu không trăm mười sáu nghìn đồng). Tổng số tiền sau 03 năm chị Ng

phải trả cho công ty khoảng 36.576.000đ. Th hứa với chị Ng là hàng tháng sẽ chuyển tiền cho chị Ng để chuyển trả công ty FE Credit. Thời gian đầu Th có chuyển tiền để chị Ng trả cho công ty FE Credit, tuy nhiên sau đó Th không chuyển tiền cho chị Ng nữa nên chị Ng cũng ngừng việc trả nợ cho công ty. Khi đã quá hạn trả nợ, công ty FE Credit thông báo cho chị Ng biết chị Ng còn nợ công ty số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Tháng 5/2021, do khó khăn về kinh tế, chị Ng đã thương lượng với công ty để giảm số tiền nợ, công ty tài chính FE Credit đồng ý giảm số tiền nợ của chị Ng xuống còn 17.000.000đ, hàng tháng chị Ng phải trả cho công ty FE Credit số tiền 473.000đ (bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

*Lần thứ 3:* Khoảng cuối năm 2020, Th nhờ chị Ng vay hộ 01 chỉ vàng. Chị Ng đã vay của chị Bùi Thị Th2 (sinh năm: 1992, trú tại: xã V, huyện V, tỉnh Nam Định) 01 chỉ vàng và mang đi bán. Sau đó, chị Ng đưa trực tiếp 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền mặt cho Th. Số tiền này đến nay Th chưa trả.

*Lần thứ 4:* Ngày 26/6/2021, chị Ng nhờ Th vay hộ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Th liên hệ với anh Trần Văn Đ1 (sinh năm: 1975, trú tại: 30 M, P. N, TP. N, tỉnh Nam Định) để hỏi vay số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho chị Ng. Th nhờ chị Ng đứng tên vay hộ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau đó, anh Đ1 liên lạc với chị Ng qua số điện thoại và hỏi: “*Em có phải là bạn của Th không? Số tiền 15 triệu đồng là em vay đứng không?*”. Chị Ng xác nhận là đúng thì anh Đ1 chuyển cho chị Ng số tiền 13.650.000đ sau khi đã trừ tiền lãi tháng đầu tiên số tiền 1.350.000đ (lãi suất 3000đ/1 triệu/1 Ngày ). Sau khi nhận được tiền, chị Ng rút hết số tiền vay được ra tiền mặt rồi đến nhà mẹ đẻ Th để đưa trực tiếp số tiền 9.100.000đ cho Th (trừ 900.000đ tiền lãi Th phải trả cho anh Đức). Chị Ng và Th đã trả cho anh Đ1 03 tháng tiền lãi tổng số tiền 4.050.000đ. Ngày 25/10/2021, chị Ng đã trả hết tiền gốc 15.000.000đ cho anh Đ1 qua tài khoản ngân hàng. Số tiền 10.000.000đ Th nhờ chị Ng vay hộ đến nay Th chưa trả cho chị Ng.

Như vậy, tổng số tiền chị Ng đã đứng tên vay hộ Th là 49.498.500đ (bốn mươi chín triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Tháng 10/2021, chị Ng yêu cầu Th trả nợ nhiều lần nhưng Th thường xuyên khất nợ nên chị Ng yêu cầu Th viết 01 giấy khất nợ số tiền mà Th còn nợ chị Ng là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng).

## II. Về hành vi: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan , tổ chức*”.

Khoảng tháng 6/2021, qua mạng xã hội Facebook Th đã đặt mua 01 Giấy chứng nhận đăng xe giả với thông tin đăng ký là xe máy nhãn hiệu Honda Airbalde, BKS 18B2-796.11 (xe máy của Th đang sử dụng) với mục đích sử dụng đăng ký xe giả này thế chấp vay tiền của người khác. Th không xác định được

thông tin tài khoản Facebook đăng bài quảng cáo cũng như trên, số điện thoại người làm, bán giấy tờ đăng ký xe giả trên. Ngày 15/9/2021, khi chị Phùng Thị L1 yêu cầu Th trả nợ nhiều lần, Th đã đưa cho chị L1 01 chứng nhận đăng ký xe Honda Airbalde BKS 18B2-796.11 giả, kèm theo 01 Hợp đồng mua bán xe máy (Th viết thông tin bên bán, đặc điểm xe còn chị L1 viết phần thông tin bên mua, giá xe, hai bên ký xác nhận) và hứa là sẽ chuyển nhượng chiếc xe máy Honda Airblade BKS 18B2 – 796.11 cho chị L1 để trì hoãn việc trả nợ. Tuy nhiên, ngày 21/01/2022, Th đã mang chiếc xe Honda Airbalde BKS 18B2-79611 và đăng ký xe bản gốc đến cầm cố tại Công ty cổ phần kinh doanh F88 ở thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đồng thời cũng không trả nợ cho chị L1 (118 -119 , 133-136, 140- 141).

Ngày 06/7/2022, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định giám định đối với Chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 18B2 – 796.11 do chị Phùng Thị L1 giao nộp. Kết luận giám định số 1083/KL-KTHS Ngày 22/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy trên là giả (BL57).

Tại cơ quan điều tra Phùng Thị Th đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (BL100 -143).

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong các giấy mượn tiền, giấy vay tiền do nhiều người bị hại cung cấp:

- Tại bản Kết luận giám định số 1303/KL-KTHS Ngày03/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: chữ viết trên các giấy: mượn tiền, nhờ chuyển tiền hộ, nhận chuyển tiền, mua chịu điện thoại, mượn tiền, giấy vay tiền và hẹn trả tiền, giấy vay tiền và hẹn trả so với chữ viết của Phùng Thị Th do cùng một người viết ra) (BL33).

- Tại bản Kết luận giám định số 628/KL-KTHS Ngày12/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Giấy nhờ chuyển tiền hộ đề Ngày20/5/2021 đứng tên Phùng Thị Ng so sánh với chữ viết đứng tên Phùng Thị Ng không phải cùng một người viết ra (BL38).

- Tại bản kết luận giám định số 817/KL-KTHS Ngày08/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: trên các giấy vay tiền đứng tên Phùng Thị Th so sánh với chữ ký, chữ viết do Phùng Thị Th đều do cùng một người ký và viết ra (BL65).

Ngày7/4/2023, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định về âm thanh đối với 09 file ghi âm do chị Nguyễn Lan H cung cấp. Tại bản Kết luận giám định số 795/KL-KTHS Ngày15/5/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận (BL43 - 44):



- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 09 tập tin âm thanh mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người phụ nữ xưng “em”, “con” (được ký hiệu là “Th” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Phùng Thị Th trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Ngày 06/02/2023, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định giám định kỹ thuật số và điện tử để phục hồi, trích xuất dữ liệu trên điện thoại SAMSUNG màu đen của Phùng Thị Th. Kết luận giám định số 333/KL-KTHS Ngày 31/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận (BL61 -62): Trích xuất được dữ liệu các hình ảnh, video, file, ghi chú, dữ liệu, tin nhắn, lịch sử cuộc gọi SMS, Zalo, Messenger, Telegram,... Trên điện thoại của Phùng Thị Th.

Vật chứng chuyển Cục THADS:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A20s, màu đen, đã cũ có số IMEI 1: 353248111130165, IMEI 2: 353249111130163

- 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả của xe Honda Airblade BKS 18B2-796.11.

Vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án:

- Các giấy vay tiền, giấy nhờ chuyển tiền hộ, giấy mua chịu điện thoại, giấy mượn tiền, giấy khát nợ, hợp đồng mua bán xe, sao kê tài khoản ngân hàng, ảnh chụp chi tiết giao dịch, ảnh chụp màn hình tin nhắn do các bị hại cung cấp,

- 01 đĩa CD chứa 09 file ghi âm chị Nguyễn Lan H cung cấp, 01 đĩa CD ghi âm giọng nói của Phùng Thị Th quá trình hỏi cung, 01 đĩa CD chứa tài liệu trích xuất điện thoại Samsung của Phùng Thị Th, 01 đĩa CD ghi lại nội dung tin nhắn qua ứng dụng Zalo giữa chị Nguyễn Lan H và Phùng Thị Th.

Trách nhiệm dân sự:

Hiện tại, Phùng Thị Th còn nợ và có trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền như sau: chị Nguyễn Lan H số tiền 1.260.000.000đ (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng); chị Phùng Thị L1 số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng); bà Phùng Thị L số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng); chị Phùng Thị Ng 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng); anh Nguyễn Thành K số tiền 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số 74/CT-VKS-P1 Ngày 26/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Phùng Thị Th về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Điều 55 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Thị Th 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; 14 năm tù đến 14 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 năm đến 15 năm 09 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Buộc bị cáo phải trả cho những người bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt theo đề nghị của bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS để xử lý vật chứng theo qui định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phùng Thị Th trình bày: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là phụ nữ, người thân của bị cáo có công lao với nhà nước. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định giữ nguyên quan điểm luận tội.

Bị cáo nói lời sau cùng : Xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận để vay được tiền của những người bị hại, bị cáo phải đưa ra những thông tin gian dối và sau khi vay được tiền thì bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Cụ thể: Từ tháng 01/2020, do cần tiền để tiêu sài cá nhân và đánh bạc qua mạng Internet,

Th đã đưa ra thông tin gian dối như: vay tiền hộ người khác, đi chữa bệnh cho người thân, làm thủ tục vay vốn ngân hàng để chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền 1.525.498.500đ (một tỷ năm trăm hai mươi năm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng) trong đó của: chị Nguyễn Lan H số tiền 1.260.000.000đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng); chị Phùng Thị L1 số tiền là 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng); bà Phùng Thị L là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng); anh Nguyễn Thành K số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); chị Phùng Thị Ng là 49.498.500 (Bốn mươi chín triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng); Ngày 15/09/2021 khi chị Phùng Thị L1 yêu cầu trả nợ nhiều lần, Phùng Thị Th đã đưa cho chị L1 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Honda AIRbalde BKS 18B2 – 79611 giả do Th đặt mua qua mạng, hứa sẽ chuyển nhượng xe máy nhằm trì hoãn việc trả nợ cho chị L1.

Hành vi phạm tội của Phùng Thị Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của người khác; xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính về tài liệu, giấy tờ; bị cáo chiếm đoạt tiền của nhiều người, sử dụng tài liệu giả của tổ chức để thực hiện hành vi chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trên địa bàn tỉnh Nam Định.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo, mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. HĐXX áp dụng điểm g khoản 1 điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi lừa đảo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, tình tiết tăng nặng, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm trừng trị đồng thời giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận chiếm đoạt của những người bị hại. Cụ thể: chị Nguyễn Lan H số tiền 1.260.000.000đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng); chị Phùng Thị L1 số tiền là 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng) ; bà Phùng Thị L là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng); anh Nguyễn Thành K số tiền 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng); chị Phùng Thị Ng là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng). Những bị hại yêu cầu bị cáo phải trả toàn bộ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt. HĐXX buộc bị cáo phải trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại có yêu cầu.

[7] Xử lý vật chứng.

Những vật chứng cơ quan điều tra thu giữ lưu trong hồ sơ vụ án là những chứng cứ chứng minh tội phạm. HĐXX không xem xét xử lý.

Những vật chứng gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A20s, màu đen, đã cũ có số IMEI 1: 353248111130165, IMEI 2: 353249111130163. Chiếc điện thoại liên quan đến phạm tội nên tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả của xe Honda Airblade BKS 18B2-796.11 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[8] Những vấn đề liên quan đến vụ án:

- Đối với hành vi đánh bạc qua mạng internet. Quá trình điều tra, không thu giữ được lịch sử tham gia đánh bạc của Phùng Thị Th nên không đủ căn cứ xử lý đối với hành vi đánh bạc trên mạng của Phùng Thị Th.

- Tại cơ quan điều tra Phùng Thị Th khai nhận: chị Nguyễn Lan H, chị Phùng Thị L1 và bà Phùng Thị L cho Th vay với lãi suất cao từ 3.000đ - 7.000đ/1 triệu/1 Ngày . Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ để xác định về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với H, L1, L.

- Đối với hành vi anh Trần Văn Đ1 cho chị Phùng Thị Ng vay số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) Ngày 24/6/2021 với lãi suất 3000đ/1 triệu/1 ngày(tương ứng lãi suất 108%/năm), không cầm cố tài sản; chị Ng đã trả tiền lãi 03 tháng tổng số tiền 4.050.000đ (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tài liệu điều tra xác định: anh Trần Văn Đ1 không có tiền án, tiền sự. Hành vi cho vay của anh Đ1 không đủ yếu tố cấu thành tội “*cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1, Điều 201, Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của anh Đ1 kết thúc vào Ngày 25/10/2021, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm

hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật xử phạt vi phạm hành chính 2012; Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phùng Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; (điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Điều 55 BLHS; Xử phạt bị cáo Phùng Thị Th 01 (một) năm tù về tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Xử phạt bị cáo Phùng Thị Th 14 ( mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phùng Thị Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 ( mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ Ngày 10/01/2023.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 BLHS

Buộc bị cáo Phùng Thị Th phải trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của những bị hại gồm:

- Chị Nguyễn Lan H số tiền 1.260.000.000đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng);
- Chị Phùng Thị L1 số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng) ;
- Bà Phùng Thị L số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng);
- Anh Nguyễn Thành K số tiền 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).
- Chị Phùng Thị Ng số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A20s, màu đen, đã cũ có số IMEI 1: 353248111130165, IMEI 2: 353249111130163.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả của xe Honda Airblade BKS 18B2-796.11

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận tài sản thi hành án số 97/23 Ngày 10/8/2023 giữa Phòng PC 02 - Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định)

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Phùng Thị Th phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự; Án phí dân sự Phùng Thị Th phải nộp 56.865.000 đồng ( năm mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ngày kể từ Ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 Ngày kể từ Ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Mai Anh Tuấn**

